

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 29 - 5 - 2024

V/v: "Tranh dân sự về hợp
đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thanh Hải;

2/ Bà Nguyễn Thị Thùy Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc: "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐ - DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST - DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm: 1977; Địa chỉ: số nhà C xóm H thôn N, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn V, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số A L, thị trấn D, huyện Đ, Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền số 27, quyền số 01 - SCT/CK, CD ngày 11/3/2024.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1964, bà Ngô Thị S, sinh năm 1966; Địa chỉ: số nhà B xóm D thôn N, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng.

(Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc, đại diện cho nguyên đơn theo ủy quyền ông Dương Văn V trình bày: Vào ngày 30/3/2021 bà L có cho vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Ngô Thị S vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 30/3/2021 đến ngày 30/4/2021. Vào thời điểm vay, vợ chồng ông bà Tân S1 viết giấy vay theo mẫu, nội dung do bà S1 là người viết, chữ ký và chữ viết do vợ chồng ông bà Tân S1 tự ký và ghi tên. Khi đến hạn, vợ chồng ông bà T không trả được. Tuy nhiên vào năm 2021 thì vợ chồng ông T, bà S1 đã trả được cho bà L số tiền 100.000.000đ, từ đó đến nay số tiền còn lại 200.000.000đ

ông T, bà S1 chưa trả cho bà L. Do đó, bà L có đơn khởi kiện vợ chồng ông Ngô Đình T1, bà Ngô Thị S, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ngô Đình T1, bà Ngô Thị S trả số tiền 200.000.000đ còn nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh L.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để triệu tập bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Ngô Thị S đến Tòa án để Tòa án tiến hành lấy lời khai, hòa giải nhưng đều vắng mặt. Ngày 09/4/2024, bà Ngô Thị S có đơn trình bày thể hiện quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, cùng ngày bà S đã có đơn xin rút văn bản trình bày ý kiến nêu trên và đề nghị được nhận lại bản chính văn bản trình bày ý kiến đã nộp đến Tòa án.

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Dương Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng; riêng bị đơn ông T, bà S không thực hiện đúng quyền và nghĩa của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S2, ông Nguyễn Đình T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 200.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 11/01/2024, nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản là khoản tiền cho vợ chồng bị đơn vay theo giấy mượn tiền vào ngày 30/3/2021. Tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện, thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vẫn còn, do đó xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Việc bị đơn bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015. Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo đúng quy định của bộ luật tố tụng. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 207, 227, 228, 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu bị đơn vợ chồng bà S, ông T trả số tiền đã vay vào ngày 30/3/2021 đến nay còn nợ số tiền 200.000.000đ không tính lãi suất, căn cứ yêu cầu khởi kiện nêu trên là giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp tại bút lục số 13 do bà Ngô Thị S viết và ký, có chữ ký của ông T vào ngày 30/3/2021. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn nhưng bị đơn luôn vắng mặt khi Tòa án mời làm việc. Ngày 09/4/2024, bà Ngô Thị S có đơn trình bày thể hiện quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh đã trả số tiền vay cho nguyên đơn. Tuy nhiên, cùng ngày bà S đã có đơn xin rút văn bản trình bày ý kiến nêu trên và đề nghị được nhận lại bản chính văn bản trình bày ý kiến đã nộp đến Tòa án. Điều này khẳng định, bị đơn không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Đến thời điểm xét xử vụ án, tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được là bản chính giấy vay tiền do bị đơn vợ chồng bà S, ông T viết và ký vào ngày 30/3/2021 vay số tiền 300.000.000đ. Nguyên đơn xác nhận, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ, còn lại 200.000.000đ đến nay chưa trả, ngoài tài liệu trên thì không có tài liệu nào khác thể hiện bị đơn đã trả tiền vay cho nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định, bị đơn bà S, ông T đã vay của nguyên đơn và đến nay còn nợ số tiền 200.000.000đ chưa trả cho nguyên đơn là có thật.

Từ những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn bà S, ông T có nghĩa vụ trả số tiền đã vay còn nợ 200.000.000đ là hoàn toàn phù hợp với chứng cứ đã cung cấp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, buộc bị đơn vợ chồng bà S, ông T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000đ là đúng quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L. Buộc bị đơn vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Buộc bị đơn bà **S**, ông **T** phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thanh L** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà **L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0002378 ngày 25/01/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đơn Dương;
- THA dân sự huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Ngân

Lê Thị Kim Ngân